TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2024
Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Quang Bảo

- Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 370/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số x đ ư ờ ng y, phư ờ ng z, thà nh phố f, tỉ nh g; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Kê T, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số x đ ư ờ ng y, phư ờ ng z, thà nh phố f, tỉ nh g; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 09-10-2023, bản tự khai ngày 18-10-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Kê T có thời gian yêu nhau trong khoảng 02 năm. Sau đó hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định vào ngày 17-9-2003.

Sau khi kết hôn, chị và anh Trần Kê T chung sống với bố mẹ anh Tuyến tại thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Đến năm 2007 vợ chồng chị mua đất làm nhà và chuyển đến sinh sống tại: Số 8/44 Gốc Mít, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận cho đến năm 2010 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Tuyến chơi bời, thường xuyên đi sớm về khuya. Vợ chồng chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau; mặc dù gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng anh Tuyến không thay đổi vẫn thường xuyên chơi bời vắng nhà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài. Đến đầu năm 2012 anh Tuyến không về nhà, không nói gì với chị. Sau đó chị được thông báo anh Tuyến đang bị cơ quan công an truy nã. Từ thời gian đó đến nay vợ chồng chị không liên lạc gì với nhau. Do đó, chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng và không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trần Kê T.

Về con chung: Chị và anh Trần Kê T có 02 con chung là Trần Hương G, sinh ngày 22-10-2004 (giới tính: Nữ) và Trần Việt H, sinh ngày 14-7-2009 (giới tính: Nam). Hiện tại cháu Trần Việt Hùng đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Việt H. Cháu Trần Hương G đã đủ 18 tuổi, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và chị vẫn có trách nhiệm chăm lo cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Trần Kê T phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã nhiều lần niêm yết các thông báo thụ lý, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Trần Kê T theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Kê T không đến Tòa án làm việc, không đưa ra quan điểm của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y.

Tại đơn đề nghị của cháu Trần Việt Hùng ngày 18-10-2023 cháu Hùng trình bầy, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

- Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi con Trần Việt H, sinh ngày 14-7-2009. Anh Trần Kê T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Buộc chị Trần Thị Y phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Kê T; giải quyết về người trực tiếp nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Kê T không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.2. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Kê T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T có thời gian tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, sau đó đã tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định vào ngày 17-9-2003. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T chung sống tại địa chỉ: Số 8/44 Gốc Mít, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường cho đến khoảng cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh Trần Kê T chơi bời, thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng xảy ra bất đồng về quan điểm sống. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không liên lạc gì với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T đã trầm trọng, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, cuộc sống chung không còn trên thực tế nên sẽ căn cứ Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T.

2.2. Về con chung:

Chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T có 02 con chung. Con gái lớn là Trần Hương G, sinh ngày 22-10-2004; hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Con trai nhỏ là Trần Việt H, sinh ngày 14-7-2009; hiện nay đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị T tiếp tục nuôi con Trần Việt H sau khi ly hôn.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc chị Trần Thị Y không yêu cầu anh Trần Kê T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Trần Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Trần Thị Y là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi con Trần Việt H, sinh ngày 14-7-2009 (giới tính: Nam).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Y không yêu cầu anh Trần Kê T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí:

Chị Trần Thị Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Y đã nộp tại biên lai số 0xx ngày 09-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Trần Thị Y đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Y và anh Trần Kê T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Thu Định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND TT. xxx;

(ĐKKH số 26 ngày 11-11-xxx)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.